

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-3-2021

V/v: Ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đức Thuận.

2. Bà Lê Thị Dệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24/3/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 251/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn và nuôi con”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 14/02/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Văn H, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã VT, huyện NC, Thanh Hóa

- Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã VT, huyện NC, Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt anh H, vắng mặt chị T (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 31/8/2020 và bản tự khai ngày 19/10/2020, nguyên đơn anh Vũ Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh H và chị Lê Thị T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/8/2001 tại UBND xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 10/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm. Chị T không chịu đi

làm để một mình anh phải gánh vác mọi công việc trong gia đình và đi làm kiếm tiền nuôi cả gia đình. Anh đã khuyên bảo, thuyết phục chị T vì con mà phần đầu, cùng anh chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không được. Tháng 4/2020 anh bị ngã xe nên chân bị đau, không đi làm được. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Tuy sống chung một nhà nhưng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Vũ Thị H1, sinh ngày 09/01/2003 và Vũ Thị H2, sinh ngày 15/10/2016.

Nguyên vọng của anh khi ly hôn xin được nuôi cháu Vũ Thị H2, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Vũ Thị H1 đã thành niên nên việc cháu ở với ai là quyền của cháu.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Vũ Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T và được nuôi cháu Hồng, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung, đối với cháu Vũ Thị H1 đã thành niên, việc cháu ở với ai là quyền của cháu. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với chị Lê Thị T:* Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị T nhưng trong thời hạn quy định chị T không nộp văn bản nêu ý kiến của mình, cũng không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình và chính quyền địa phương.

Ngày 11/01/2021 Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình anh Vũ Văn H và chị Lê Thị T, địa chỉ: Thôn ĐT, xã VT, huyện NC. Tại buổi làm việc anh H và chị T đang ở nhà nhưng chị T ở trong phòng ngủ, không ra ngoài làm việc với Tòa án. Tòa án đã gặp chị Vũ Thị H1 là con gái của chị T. Theo chị H1 trình bày: Bố đẻ của chị là Vũ Văn H và mẹ đẻ là Lê Thị T. Trong quá trình chung sống bố mẹ chị chung sống bình thường. Đến năm 2016, thì bố mẹ bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Một mình bố chị đi làm lo cho cả gia đình. Trong cuộc sống bố mẹ chị không có tiếng nói chung, tình cảm không còn nên bố chị làm đơn xin ly hôn với mẹ chị. Về con chung: Bố mẹ chị sinh được 2 chị em là Vũ Thị H1, sinh ngày 09/01/2003 và Vũ Thị H2, sinh ngày 15/10/2016.

Gia đình chị đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gồm: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Sau khi nhận được các văn bản của Tòa án, gia đình chị đã thông báo cho mẹ của chị là Lê Thị T biết nhưng mẹ chị không có ý kiến gì về việc bố chị xin ly hôn và cũng không đến Tòa án để làm việc.

Tại Biên bản xác minh ngày 12/01/2021, đại diện chính quyền địa phương trình bày: Anh Vũ Văn H và chị Lê Thị T xây dựng gia đình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2001. Vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2016, thì phát sinh mâu thuẫn. Một mình anh H đi làm để lo cho gia đình, vợ con. Hiện nay anh H bị đau chân do ngã xe. Hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn. Cuộc sống chung của vợ chồng anh H và chị T không có tiếng nói chung. Về con chung: Anh H và chị T có 02 con chung là Vũ Thị H1, sinh ngày 09/01/2003 và Vũ Thị H2, sinh ngày 15/10/2016. Hiện nay 2 con đang ở với anh H và chị T. Chị T bị bệnh, không đi làm nên không có thu nhập. Anh H làm nghề bảo vệ nên có thu nhập, đảm bảo điều kiện nuôi con.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

** Về tố tụng:*

Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với chị T chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng chị T vẫn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị T theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho anh H được ly hôn chị T.

Về con chung: Cháu Vũ Thị H1 đã đến tuổi thành niên, vì vậy hai bên đương sự không phải có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, việc cháu ở với ai là quyền của cháu. Đối với cháu Vũ Thị H2, sinh ngày 15/10/2016 đang ở với vợ chồng. Tuy nhiên, hiện nay chị T bị bệnh, không đi làm được nên cần giao cháu Hồng cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội. Anh Vũ Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Lê Thị T có hộ khẩu thường trú tại thôn ĐT, xã VT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa nên việc anh Vũ Văn H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị T vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử của Tòa án, vì vậy không tiến hành được phiên hòa giải giữa anh Vũ Văn H và chị Lê Thị T thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 04/3/2021 Tòa án đã mở phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt chị Lê Thị T, vì vậy phải hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt chị Lê Thị T, tuy nhiên chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng chị T vẫn vắng mặt, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị T là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Anh Vũ Văn H và chị Lê Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa ngày 07/8/2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận bình thường đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, trong cuộc sống không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Nay anh H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Lê Thị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Thị H1, sinh ngày 09/01/2003 và Vũ Thị H2, sinh ngày 15/10/2016. Nguyên vọng của anh H sau khi ly hôn là được nuôi cháu Hồng, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung, đối với cháu Hoài đã thành niên, việc cháu ở với ai là quyền của cháu.

Về tài sản chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Xét yêu cầu về việc ly hôn và nuôi con chung của anh H và chị T thấy rằng:

- Quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Văn H và chị Lê Thị T dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

- Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Tuy anh H và chị T không sống ly thân nhưng tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm đến ai.

Tại phiên tòa anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị Lê Thị T. Vì vậy, HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Anh H và chị T có 02 con chung là Vũ Thị H1, sinh ngày 09/01/2003 và Vũ Thị H2, sinh ngày 15/10/2016.

Trong quá trình xây dựng hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, anh H đều có nguyện vọng nuôi cháu Vũ Thị H2 và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Vũ Thị H1 hiện đã thành niên. Việc cháu ở với ai là quyền cháu.

Về phía chị T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng trong thời hạn quy định chị T không nộp văn bản nêu ý kiến của mình, cũng không đến Tòa án để làm việc và không có mặt tại phiên tòa.

Xét yêu cầu của anh H thấy rằng: Chị T không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm về việc nuôi con chung sau khi ly hôn và nguyện vọng của cháu Hồng cũng muốn ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, cần giao cháu Vũ Thị H2 cho anh H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét. Đối với cháu Hoài đã thành niên nên không xem xét việc chăm sóc.

[3] Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác về tài sản chung cho hai bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí: Anh Vũ Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh Vũ Văn H được ly hôn chị Lê Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Thị H2, sinh ngày 15/10/2016 cho anh Vũ Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lê Thị T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cấm.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con chung và thay đổi việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Anh Vũ Văn H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0002229 ngày 12/10/2020 của Chi cục THADS Nông Cống (anh H đã nộp đủ án phí).

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt anh H, vắng mặt chị T. Anh H có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã Tế Thắng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Võ Kỳ Anh